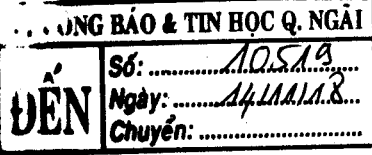


Số: 2035/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư ngân sách tỉnh thực hiện
Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn năm 2018
(thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)**



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn năm 2018 (thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới);

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 432/HĐND-KTNS ngày 07/11/2018 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3146/SNNPTNT ngày 17/10/2018 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn năm 2018 và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1583/TTr-SKHĐT ngày 23/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn năm 2018 như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch vốn điều chỉnh tại Quyết định này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm thông báo, giao nhiệm vụ cho các đơn vị quản lý thực hiện khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ được giao, lập thủ tục thanh quyết toán theo quy định, bảo đảm giải ngân kế hoạch vốn 2018 theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc

Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Tây Trà, Sơn Tây; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), KT, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak997.



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

Phụ lục
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2018
CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
(thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)

Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 035/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	Tên công trình	Loại hình đầu tư	Đơn vị đầu tư	Tổng mức và nguồn vốn đầu tư			Lũy kế vốn ngân sách tỉnh đã bố trí đến năm 2018			Kế hoạch điều chỉnh vốn NS tỉnh năm 20018	Tăng (+)	Giảm (-)	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư	Trong đó		Vốn ngân sách tỉnh đã bố trí đến năm 2018	Trong đó					
					Ngân sách tỉnh	N.sách huyện, xã, vốn khác		KH vốn năm 2018	KH vốn đã giải ngân đến 30/9/2018				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
TỔNG SỐ				64.800,0	52.780,0	12.020,0	33.572,0	15.000,0	10.438,0	15.000,0	1.614,0	1.614,0	
I	Dự án chuyển tiếp			24.600,0	22.620,0	1.980,0	18.025,0	1.500,0	0,0	910,0	310,0	900,0	
1	Sửa chữa, nâng cấp HTCNŞH Trung tâm huyện Tây Trà	UBND H.Tây Trà	UBND H.Tây Trà	5.000,0	5.000,0	0,0	4.501,0	300,0	0,0	300,0	0,0	0,0	Đã hoàn thành
2	Sửa chữa, nâng cấp HTCNŞH xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	Sở NN& PTNT	Trung tâm NS & VSMTNT	4.900,0	3.920,0	980,0	3.712,0	0,0	0,0	150,0	150,0	0,0	Đã hoàn thành
3	Sửa chữa, nâng cấp HTCNŞH xã Phố Thuận, huyện Đức Phổ	Sở NN& PTNT	Trung tâm NS & VSMTNT	5.000,0	4.000,0	1.000,0	3.712,0	0,0	0,0	160,0	160,0	0,0	Đã hoàn thành
4	HTCNŞH xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi	Sở NN& PTNT	Trung tâm NS & VSMTNT	9.700,0	9.700,0	0,0	6.100,0	1.200,0	0,0	300,0	0,0	900,0	Trả nợ quyết toán và CP Q. toán
II	Các dự án khởi công mới			27.200,0	19.760,0	7.440,0	14.796,0	13.100,0	10.143,0	13.690,0	1.304,0	714,0	
1	Sửa chữa, nâng cấp HTCNŞH Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	Sở NN& PTNT	Trung tâm NS & VSMTNT	10.000,0	8.000,0	2.000,0	5.900,0	5.400,0	2.562,041	4.686,0	0,0	714,0	
2	Sửa chữa, nâng cấp HTCNŞH Khê - Kỳ, xã Tịnh Kỳ, TP Quảng Ngãi	Sở NN& PTNT	Trung tâm NS & VSMTNT	3.500,0	2.800,0	700,0	2.152,0	1.800,0	1.762,0	2.448,0	648,0	0,0	
3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Đông Bình, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn.	Sở NN& PTNT	Trung tâm NS & VSMTNT	3.700,0	2.960,0	740,0	2.244,0	2.000,0	1.919,0	2.656,0	656,0	0,0	
4	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Trung tâm huyện Sơn Tây	UBND H.Sơn Tây	UBND H.Sơn Tây	10.000,0	6.000,0	4.000,0	4.500,0	3.900,0	3.900,0	3.900,0	0,0	0,0	
III	Chuẩn bị đầu tư (KCM năm 2019)			13.000,0	10.400,0	2.600,0	751,0	400,0	295,0	400,0	0,0	0,0	
1	Sửa chữa, nâng cấp HTCNŞH xã Hành Đức, Nghĩa Hành	Sở NN& PTNT	Trung tâm NS & VSMTNT	4.500,0	3.600,0	900,0	315,0	100,0	100,0	100,0	0,0	0,0	
2	Sửa chữa, nâng cấp HTCNŞH xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức	Sở NN& PTNT	Trung tâm NS & VSMTNT	3.000,0	2.400,0	600,0	202,0	50,0	50,0	50,0	0,0	0,0	
3	Sửa chữa, nâng cấp HTCNŞH xã Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	Sở NN& PTNT	Trung tâm NS & VSMTNT	3.000,0	2.400,0	600,0	234,0	50,0	50,0	50,0	0,0	0,0	
4	Sửa chữa, nâng cấp HTCNŞH xã Tịnh Thiện, TP Quảng Ngãi	Sở NN& PTNT	Trung tâm NS & VSMTNT	2.500,0	2.000,0	500,0	0,0	200,0	95,0	200,0	0,0	0,0	